

Bản án số: 35 /2021/HNGĐ - ST
Ngày: 21/10/2021.
V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO.TP.HN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông NGUYỄN TIẾN HÙNG.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà NGUYỄN THỊ TÂM, Giáo viên trường THCS Thị Trấn Kim Bài, huyện TO, Thành phố HN.

- Ông LÊ HUY TRỌNG, Cán bộ nghỉ hưu xã Tam Hưng, huyện TO, Thành phố HN.

- Thư ký phiên tòa: Ông ĐỖ VĂN THƯỜNG, Thư ký Toà án nhân dân huyện TO, Tp. HN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp.HN.

Bà NGUYỄN THỊ KIỀU DIỄM – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TO - TP. HN xét xử công khai vụ án thụ lý số: 262/2020/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2020 về: "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXX - ST ngày 12 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* chị **TTL**, sinh năm 1986.

ĐKNKTT và nơi ở: Thôn AP, xã CD, huyện TO, Tp.HN.

+ *Bị đơn:* Anh **NVL**, sinh năm 1979.

ĐKHKT và nơi ở: Thôn AP, xã CD, huyện TO, Tp.HN.

+ *Người đại diện cho bị đơn:* Ông **NVT**, sinh năm 1960

Nơi đăng ký HKTT: Thôn AP, xã CD, Huyện TO, thành phố HN.

+ *Trợ giúp viên pháp lý cho bị đơn:* Bà **NBH** trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố HN.

+ *Phiên dịch viên ngôn ngữ, ký hiệu* của Trung tâm nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật Thành phố HN bà **PTT** phiên dịch cho bị đơn anh L.

Tại phiên tòa chị L, ông T, bà H, bà T có mặt, anh L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu khác chị TTL trình bày: Do hai nhà gần nhau, cùng một thôn nên việc kết hôn với anh L là do hai gia đình khuyên bảo, động viên chị mới đồng ý lấy anh L, cũng không được tìm hiểu nhau vì anh L bị điếc, chỉ phát âm được mấy câu đơn giản, phải bằng khẩu hình thì mới biết nói gì, cũng không được đi học gì cả, chỉ biết được chữ ký của mình, sau khoảng 06 tháng thì chị và anh L đăng ký kết hôn tại UBND xã CD ngày 26/3/2005 và tổ chức cưới theo phong tục địa phương, trên cơ sở tự nguyện của hai bên, sau ngày cưới chị về nhà anh L chung sống luôn, vì chồng chị là con út trong gia đình nên vợ chồng sống cùng mẹ chồng cho đến khi cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn và sống ly thân.

Về lý do ly hôn: Chị L trình bày vì trong cuộc sống chị luôn luôn bị áp lực vì nhiều vấn đề trong cuộc sống, do không có sự tìm hiểu nên không hợp, không hiểu nhau, nghi ngờ lẫn nhau từ phía nhà chồng, bản thân chồng làm nhiều nghề lang thang, chị cũng đã làm nhiều việc tự do nhưng không đảm bảo được cuộc sống, nên thời gian gần đây chị đi làm sơ bả ma tít, quét vôi, lăn sơn ở ngoài nội thành HN, ai thuê gì thì làm đấy nhưng cũng không được sự quan tâm của chồng, gia đình nhà chồng mà thường xuyên nghi ngờ chị dẫn đến rất nhiều áp lực cho chị, từ đầu năm 2018 chị sống ly thân ở ngoài nhà trọ HN cho đến bây giờ, nay chị thấy không còn tình nghĩa vợ chồng, cuộc sống không có hạnh phúc vì vậy chị đề nghị Tòa án cho được ly hôn.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là NVL, sinh năm 2006, thứ hai là NVL, sinh 2009, hiện cháu lớn đang ở với chị, cháu nhỏ đang ở với anh L. Quan điểm khi ly hôn chị xin được nuôi dưỡng cả hai cháu và không yêu cầu anh L trợ cấp nuôi con, còn nếu không được thì xin được nuôi 01 cháu, còn cháu nào ở với chị cũng được và trợ cấp cho cháu nào ở với anh L từ 1.000.000đồng đến 1.500.000 đồng /01 tháng cho đến khi trưởng thành.

Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác: chị trình bày không có.

Phía bị đơn anh NVL: Sau khi xác minh tại UBND xã CD thì được biết anh L là đối tượng khuyết tật nặng, hiện đang hưởng trợ cấp xã hội theo Quyết định số 1237 ngày 16/7/2020 của UBND xã CD, huyện TO.

Ngày 06/11/2020 Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố HN đã cử trợ giúp viên pháp lý cho anh NVL, Quá trình giải quyết tòa án nhân dân huyện TO, Trung tâm trợ giúp pháp lý đã nhiều lần làm việc với gia đình bị đơn anh L về việc cử đại diện tham gia bảo vệ quyền lợi cho anh L. Sau khi Tòa án nhân dân huyện TO có công văn số 60/CV – TA ngày 14/3/20221 gửi UBND xã CD cử đại diện tham gia tố tụng cho anh L, ngày 13/5/2021 UBND xã CD cho biết tại công văn số 141/UBND về việc gia đình anh L đã thống nhất cử ông NVT, sinh năm 1960 là anh trai ruột của anh L là người đại diện cho anh L trong quá trình giải quyết vụ kiện.

Ngày 29/6/2021 Tòa án nhân dân huyện TO đã có buổi làm việc với người đại diện cho anh L là ông NVT có quan điểm như sau:

Anh NVL là người khuyết tật nặng, cần được hưởng trợ cấp xã hội theo quy định, trong việc giao tiếp hàng ngày của anh L phía gia đình nhìn và hiểu được anh L muốn trình bày gì vì anh L không phải là người mất năng lực hành vi dân sự, do đó không cần thiết phải mời cán bộ của trung tâm phiên dịch cho anh L trong quá trình giải quyết vụ việc

Về quan điểm, ý kiến giải quyết việc ly hôn của gia đình: Mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì còn các cháu nhỏ, còn nếu cô L kiên quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung của anh chị theo như bản tự khai thì hai vợ chồng có hai con chung, việc chị L có quan điểm về việc giải quyết con chung như trình bày chúng tôi không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: chúng tôi không có ý kiến gì vì toàn bộ tài sản hiện chị L và L đang sử dụng là của gia đình chúng tôi không phải của anh L, chị L và anh L, chị L cũng không vay mượn gì tài sản của chúng tôi cả.

Còn các vấn đề khác gia đình chúng tôi không có ý kiến gì đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Ngày 12/10/2021 Tòa án nhân dân huyện TO đưa vụ kiện ra xét xử theo luật định, tuy nhiên anh L vắng mặt nên phiên tòa phải hoãn. Sau khi tiến hành các trình tự tố tụng theo luật định, tòa án mở lại phiên tòa. Tại phiên tòa ngày hôm nay anh L tiếp tục vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt anh L là đúng theo quy định tại điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị TTL khởi kiện yêu cầu ly hôn anh NVL nên thuộc tranh chấp về ly hôn theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh NVL có hộ khẩu thường trú tại: xã CD, huyện TO, thành phố HN nên thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TO, thành phố HN theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn:

Hôn nhân giữa chị TTL và anh NVL được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CD ngày 26/3/2005 nên là hôn nhân hợp pháp được nhà nước công nhận, quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó phát sinh mâu thuẫn, theo chị L trình bày trong cuộc sống chị luôn luôn bị áp lực vì nhiều vấn đề trong cuộc sống, do không có sự tìm hiểu nên tính tình không hợp, không hiểu nhau, nghi ngờ lẫn nhau, cuộc sống không có hạnh phúc, từ năm 2018 đến nay, chị và anh sống ly

thân, không còn quan tâm chăm sóc đến nhau, vì tình cảm vợ chồng đã hết chị xin được ly hôn.

Tại phiên tòa phía người đại diện cho anh L cho biết: Việc mâu thuẫn của vợ chồng như thế nào không ai biết, còn gia đình anh, em với anh L không ai có mâu thuẫn với chị L cả, luôn luôn khuyên bảo, động viên chia sẻ với hai em L, L, tuy nhiên chị L kiên quyết ly hôn, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ thì do pháp luật xem xét, quyết định.

Xét thấy tại phiên tòa chị L kiên quyết xin ly hôn, không chấp nhận việc hòa giải đoàn tụ, từ 2018 đến nay vợ chồng sống ly thân, xét thấy cuộc sống chung của vợ chồng anh, chị không có hạnh phúc và khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn; vì lẽ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị và anh L có 02 con chung là NVL, sinh năm 2006, thứ hai là NVL, sinh 2009. Quá trình giải quyết chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung, còn nếu hai cháu có nguyện vọng được ở với anh L chị cũng chấp nhận và đồng ý trợ cấp nuôi con, tại bản khai ngày 14/7/2021 hai cháu L và cháu L đều có nguyện vọng được ở với anh L, bởi từ khi bố mẹ sống ly thân thì hai cháu vẫn ở cùng với anh, việc học và sinh hoạt hiện ổn định, xét nguyện vọng của hai cháu là chính đáng, phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của anh L, nên chấp nhận yêu cầu của hai cháu, giao hai cháu cho anh L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ.

Về trợ cấp nuôi con chung: Tại phiên tòa chị TTL có quan điểm tự nguyện trợ cấp nuôi hai con chung là cháu L và cháu L cho anh L là 3.000.000đồng/01 tháng cho hai con, tính từ tháng 10 năm 2021 cho đến khi các con chung trưởng thành hoặc có yêu cầu khác, xét việc tự nguyện trợ cấp nuôi con chung và nguyện vọng của các con chung không trái pháp luật nên cần chấp.

Về tài sản chung, công nợ và các yêu cầu khác: không có nên không xem xét trong bản án này.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các điều: 51, 53, 56, điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; Điều 227,271,272,273 Bộ Luật Tố tụng dân sự. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chị TTL và anh NVL được ly hôn.

Về con chung: Giao anh NVL chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung là NVL, sinh ngày 04/7/2006 và NVL, sinh ngày 16/9/2009.

Về trợ cấp nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị TTL trợ cấp nuôi hai con chung cho anh NVL là 3.000.000(ba triệu)đồng/01 tháng cho hai con chung , tính từ tháng

10 năm 2021 cho đến khi con chung trưởng thành hoặc đến khi các bên đương sự có yêu cầu thay đổi về việc này.

Về quyền thăm nuôi con chung của chị TTL không ai được cản trở.

Về tài sản chung không xem xét trong bản án này.

Về án phí: Chị TTL phải chịu: 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 02308 ngày 27 tháng 10 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TO và 300.000 đồng (*ba trăm nghìn*) án phí ghi nhận trợ cấp nuôi con chung.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, người đại diện của bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HN;
- VKSND Huyện TO;
- Các đương sự, người đại diện;
- Trợ giúp viên pháp lý;
- UBND xã CD;
- Lưu Hồ Sơ .

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN TIẾN HÙNG